TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2023/DS-ST
Ngày 27 – 12 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Thanh Tuấn**

Ông **Nguyễn Văn Sol**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** – Thư ký Tòa án

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hộ kinh doanh T.

Người đại diện: Ông Huỳnh Chí Th, sinh năm 1996 – Là chủ hộ (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thiện: Bà Trần Ngọc M, sinh năm 1997 (có mặt) (Văn bản ủy quyền ngày 05/7/2023 và ngày 06/10/2023).

Địa chỉ: Số 20, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Ch, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Th, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1945 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Th, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/10/2023 và các lời khai tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hộ kinh doanh T là bà Trần Ngọc M trình bày:

Hộ kinh doanh T (viết tắt là Hộ kinh doanh) và ông Nguyễn Minh Ch, ông Nguyễn Thanh H có thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm theo hợp đồng mua bán ký ngày 17/02/2020, theo đó Hộ kinh doanh T bán thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông Ch và ông H nuôi tôm, đến cuối vụ ông Ch và ông H phải thanh toán dứt điểm công nợ cho Hộ kinh doanh T. Trong quá trình giao dịch, ông Ch và ông H không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán dứt điểm công nợ cho Hộ kinh doanh T. Theo bảng đối chiếu công nợ ngày 05/11/2021 và biên bản làm việc về việc xác nhận công nợ và cam kết kết thanh toán ngày 18/01/2022, ông Ch và ông H còn nợ Hộ kinh doanh T số tiền 34.544.000 đồng, công nợ và biên bản làm việc có ông Ch ký tên. Sau đó, Hộ kinh doanh T đã liên hệ nhiều lần yêu cầu ông Ch và ông H thanh toán nợ nhưng ông Ch và ông H cứ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh Ch và ông Nguyễn Thanh H trả số tiền vốn là 34.544.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 18/01/2022 đến ngày 04/7/2023 là 5.026.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 05/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Ch và ông H trả số tiền còn nợ là 34.544.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/01/2022 đến ngày 04/7/2023 là 5.026.000 đồng. Hộ kinh doanh T xin rút lại yêu cầu ông Ch và ông H về việc trả số tiền lãi của số tiền còn nợ là 34.544.000 đồng theo quy định của pháp luật tính từ ngày 05/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn là ông Nguyễn Minh Ch, ông Nguyễn Thanh H đã được Toà án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án theo giấy triệu tập và cũng không gửi cho Toà án văn bản ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Tranh chấp giữa nguyên đơn Hộ kinh doanh T với bị đơn ông Nguyễn Minh Ch là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" được quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Minh Ch có địa chỉ cư trú tại ấp Th, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Minh Ch và ông Nguyễn Thanh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ch và ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, nhận định của Hội đồng xét xử về nội dung tranh chấp của vụ án như sau:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T về việc yêu cầu ông ông Nguyễn Minh Ch và ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ là 34.544.000 đồng.

Hộ kinh doanh T xác định giữa Hộ kinh doanh T với ông Nguyễn Minh Ch và ông Nguyễn Thanh H có thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản, hai bên có ký kết hợp đồng mua bán vào ngày 17/02/2020 thỏa thuận đến cuối vụ ông Ch và ông H thanh toán dứt điểm công nợ. Theo bảng đối chiếu công nợ ngày 05/11/2021 và biên bản làm việc về việc xác nhận công nợ và cam kết kết thanh toán ngày 18/01/2022, ông Ch và ông H còn nợ Hộ kinh doanh T số tiền 34.544.000 đồng. Hộ kinh doanh T đã liên hệ nhiều lần yêu cầu ông Ch và ông H thanh toán nợ nhưng ông Ch và ông H cứ hứa hẹn mà không thực hiện nên Hộ kinh doanh T yêu cầu ông Ch và ông H trả số tiền vốn là 34.544.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/01/2022 đến ngày 04/7/2023 là 5.026.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch giữa các đương sự là có xảy ra trên thực tế. Bởi lẽ, Hộ kinh doanh T có cung cấp cho Tòa án Hợp đồng mua bán (V/v mua bán thức ăn và thuốc thủy sản) số 19CM02/2002/HĐMB – HKD ngày 17/02/2020 có ông Ch và ông H ký và ghi rõ họ tên; bảng đối chiếu công nợ ngày 05/11/2021 và biên bản làm việc về việc xác nhận công nợ và cam kết kết thanh toán ngày 18/01/2022 có ông Ch ký và ghi họ tên còn nợ lại Hộ kinh doanh T số tiền 34.544.000 đồng. Phía bị đơn là ông Ch và ông H từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của Hộ kinh doanh T, triệu tập ông Ch và ông H nhiều lần nhưng ông Ch và ông H đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình nên mặc nhiên ông Ch và ông H thừa nhận số tiền còn nợ Hộ kinh doanh T. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Hộ kinh doanh T buộc ông Ch và ông H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Hộ kinh doanh T số tiền còn nợ là 34.544.000 đồng.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Hộ kinh doanh T yêu cầu ông Ch và ông H phải trả lãi suất đối với số tiền còn nợ là 34.544.000 đồng từ ngày 18/01/2022 cho đến ngày 04/7/2023 là 5.046.000 đồng. Thực tế là 17 tháng 16 ngày với số tiền 34.544.000 x 0,83% x 17 tháng 16 ngày = 5.026.000 đồng. Phía bị đơn là ông Ch và ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với yêu cầu của Hộ kinh doanh T. Như đã phân tích trên, số tiền ông Ch và ông H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Hộ kinh doanh T là 34.544.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Hộ kinh doanh T về việc yêu cầu ông Ch và ông H có trách nhiệm liên đới trả lãi suất đối với số tiền còn nợ là 34.544.000 đồng từ ngày 18/01/2022 cho đến ngày 04/7/2023 là 5.026.000 đồng. Do ông Ch và ông H chậm trả tiền cho Hộ kinh doanh T, Hộ kinh doanh T và ông Ch, ông H không thỏa thuận lãi suất chậm trả. Hộ kinh doanh T yêu cầu lãi suất 10%/năm. Căn cứ quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 mức lãi suất mà Hộ kinh doanh T yêu cầu 10%/năm là phù hợp, cần được chấp nhận. Bị đơn là ông Ch và ông H phải chịu lãi chậm trả của số tiền 34.544.000 đồng x 0,83% x 17 tháng 16 ngày = 5.026.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2023 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 16 tháng 10 năm 2023, Hộ kinh doanh T yêu cầu ông Ch và ông H về việc trả số tiền lãi của số tiền còn nợ là 34.544.000 đồng theo quy định của pháp luật tính từ ngày 05/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, Hộ kinh doanh T yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Ch và ông H về việc trả số tiền lãi của số tiền còn nợ là 34.544.000 đồng theo quy định của pháp luật tính từ ngày 05/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy việc Hộ kinh doanh T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Ch và ông H là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T đối với ông Ch và ông H về việc trả số tiền lãi của số tiền còn nợ là 34.544.000 đồng theo quy định của pháp luật tính từ ngày 05/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Ch và ông H phải chịu số tiền án phí đối với yêu cầu của Hộ kinh doanh T được chấp nhận là 39.570.000 đồng với số tiền án phí 1.978.500 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Hộ kinh doanh T không phải chịu án phí. Hộ kinh doanh T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 990.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009351 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357; Điều 430; khoản 3 Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T đối với ông Nguyễn Minh Ch và ông Nguyễn Thanh H.

Buộc ông Nguyễn Minh Ch và ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Hộ kinh doanh T số tiền là 39.570.000 đồng (Ba mươi chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó số tiền vốn là 34.544.000 đồng (Ba mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), tiền lãi là 1.978.500 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi tám ngìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T đối với ông Nguyễn Minh Ch và ông Nguyễn Thanh H về việc trả số tiền lãi của số tiền còn nợ là 34.544.000 đồng theo quy định của pháp luật tính từ ngày 05/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Minh Ch và ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí số tiền là 1.978.500 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C khi Bản án có hiệu lực.

Hộ kinh doanh T không phải chịu án phí. Hộ kinh doanh T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 990.000 đồng (Chín trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009351 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C khi Bản án có hiệu lực.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy đinh tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Chí Thêm